

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **18/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/5/2020

V/v: “*Ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lê Hưng Quang – Giáo viên hưu trí.

Bà: Trần Thị Ngọc Linh – Bí thư Đảng ủy xã Phước Thê.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:*** bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 544/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15 ngày 06/5/2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Võ Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: xóm 04, thôn 02, xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** ông Trần Quốc Th, sinh năm 1994

Địa chỉ: khu phố 14, thị trấn H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà và Trần Quốc Th kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 88/2015, quyền số: 01/2015 ngày 14/4/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống tại nhà chồng thuộc khu phố 14, thị trấn H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng bà không hạnh phúc, thường hay bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, những khi vợ chồng tranh cãi ông Th có vài lần đánh bà. Ngoài ra, trong quá trình sống chung bà còn phát hiện ông Th không chung thủy, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà ngày càng trở nên trầm trọng. Nên vào tháng 4 năm 2018, bà cùng con trở về nhà cha mẹ bà tại thôn 02, xã P, huyện Tuy Phong sinh sống và hai lần nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong yêu cầu được ly hôn nhưng sau đó bà tự nguyện rút đơn vì muốn cho ông Th cơ hội hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng ông Th vẫn không quan tâm đến bà và con. Nay, bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc Th.

- *Về con chung*: bà và ông Th có 01 người con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 20/9/2015. Hiện cháu B đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản*: bà Võ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: bà Võ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Trần Quốc Th* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trần Quốc Th không hợp tác khi Tòa triệu tập nên Tòa không ghi nhận được lời khai của ông và ông cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa*:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị T đối với ông Trần Quốc Th và giao con chung Trần Quốc B (sinh ngày 20/9/2015) cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Quốc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Th.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Xét về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị T và ông Trần Quốc Th xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà Võ Thị T và ông Trần Quốc Th là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, theo bà T trình bày: do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn dẫn tới sự việc ông Th có hành vi bạo lực gia đình đối với bà. Từ tháng 4 năm 2018, bà và ông Th không còn sống chung cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự biết để tạo điều kiện cho bà T và ông Th hàn gắn tình cảm nhưng ông Th vẫn lẩn tránh, vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải. Tại phiên tòa bà T vẫn kiên quyết ly hôn. Chứng tỏ tình nghĩa vợ chồng giữa bà T và ông Th không còn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Th đã đến mức trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T được ly hôn với ông Trần Quốc Th.

- *Về con chung:* Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà Võ Thị T và ông Trần Quốc Th không còn sống chung cho đến nay, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc B (sinh ngày 20/9/2015) và hiện nay cuộc sống của cháu B đang ổn định. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Trần Quốc B (sinh ngày 20/9/2015) cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Quốc B đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Võ Thị T không yêu cầu ông Trần Quốc Th cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Trần Quốc Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về tài sản và nợ chung:* trong quá trình giải quyết bà Võ Thị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, bà Võ Thị T là người có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị T. Bà Võ Thị T được ly hôn với ông Trần Quốc Th.

2/ Về con chung: giao con chung tên Trần Quốc B (sinh ngày 20/9/2015) cho bà Võ Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động, có tài sản riêng để tự nuôi bản thân.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Võ Thị T không yêu cầu ông Trần Quốc Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Trần Quốc Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: bà Võ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí: bà Võ Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Võ Thị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0029767 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong nên tiền án phí bà T đã nộp đủ.

5/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2020). Đối với bị đơn ông Trần Quốc Th vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND TT LH
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Hải Âu

